

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 262/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, tỉnh Cà Mau. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Tấn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ và ông Trần Tấn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Trong những năm đầu sống chung, giữa bà Đ và ông T đã bộc lộ mâu thuẫn về kinh tế, cụ thể vợ chồng bà không cùng nhau phát triển kinh tế của gia đình mà thu nhập của mỗi người đều tự mình giữ lấy để chi tiêu riêng. Sau nhiều lần trao đổi với ông T về việc vợ chồng phải có khoản tích góp chung để chăm lo cho gia đình nhưng không đạt được thỏa thuận. Ngoài vấn đề kinh tế chưa được thống nhất, bà Đ và ông T cũng thường xuyên không cùng quan điểm trong

việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong cuộc sống nên hay xảy ra tranh cãi với nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đ và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 đến nay. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung, bà Đ và ông T chung sống với nhau sinh được một người con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 10/02/2021. Từ khi sống ly thân với ông T cho đến nay, cháu T1 vẫn do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ và ông T chung sống không có tạo lập được tài sản chung, không phát sinh nợ chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn ông Trần Tấn T: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông T đến Tòa án, nhưng ông T không đến, cũng như không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án, từ đó không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Đ cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà Đ và ông T không phải là vợ chồng; về con chung giao cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 10/02/2021 cho bà Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Đ không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Trần Tấn T; hiện ông T đang cư trú tại ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình làm việc, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông T.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2019, bà Đ và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân không hợp pháp. Bà Đ cho rằng trong quá trình chung sống, giữa bà Đ và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Phía ông T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Qua xác minh tại địa phương, xác định được tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Đ và ông T là có xảy ra trên thực tế, thể hiện từ việc cả bà Đ và ông T đều thiếu đi sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong quá trình sống chung dẫn đến đời sống chung không thể duy trì nên hiện tại cả hai đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, do bà Đ và ông T không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”*. Do vậy, Tòa án không công nhận bà Đ và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông T chung sống có một người con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 10/02/2021. Kể từ khi bà Đ và ông T sống ly thân với nhau, cháu T1 vẫn luôn được bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nay cháu đã có cuộc sống ổn định. Bản thân ông T cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu T1, có cơ sở giao cháu T1 cho bà Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Đ không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác định giữa bà Đ và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ông T cũng không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Đ phải nộp 300.000 đồng, bà Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006870 ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau) nên được chuyển thu án phí.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Tấn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 10/02/2021 cho bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Nguyễn Ngọc T1 đang sống chung với bà Nguyễn Thị Đ.

Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu ông Trần Tấn T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Ông Trần Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006870 ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau) nên được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 8 – Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Huỳnh Ngọc Nhiều